

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/DS-ST

Ngày: 22-4-2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Thoa;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tân.

Ông Lê Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thùy Trân, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2018/TLST-DS ngày 21/5/2018 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2018/QĐXXST-DS ngày 26/12/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S;

Địa chỉ: Lầu B, số M, phường N, quận S, thành phố H;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn T – Chức vụ: Nhân viên Ngân hàng Thương mại cổ phần S; có mặt.

2. Bị đơn: Hàng Thị Bảo N, sinh năm 1987;

Cư trú tại: Khu Phố P, thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/5/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày: Vào ngày 22/4/2011, bà Hàng Thị Bảo N có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng. Căn cứ vào thu nhập của bà N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa Ladies First 486265 - 9824 cho bà N, hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,15%/tháng. Ngày 07/7/2012, bà N tiếp tục đăng ký mở thẻ tín dụng và đã được cấp thẻ Family, hạn mức 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,5%/tháng.

Đối với thẻ Visa, sau khi mở thẻ, bà Ngân đã giao dịch rút số tiền 23.095.600 đồng và đã trả được 34.210.000 đồng. Từ ngày 22/02/2016 đến ngày 22/3/2016, bà N không tiếp tục trả nợ mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở. Do bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 22/4/2016, Ngân hàng đã chốt nợ và chuyển sang nợ quá hạn với lãi suất bằng 150% là 3,225%/tháng. Tính đến ngày 28/9/2018, bà N còn nợ số tiền 15.289.004 đồng (tiền gốc 7.817.848 đồng và tiền lãi 7.471.156 đồng). Đối với thẻ Family, bà N đã giao dịch rút 18.540.000 đồng và thanh toán được 23.150.266 đồng. Tính đến ngày 28/9/2018, bà N còn nợ số tiền 36.219.235 đồng (trong đó tiền gốc 17.155.519 đồng, tiền lãi 19.063.716 đồng). Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn Hàng Thị Bảo N phải thanh toán 02 hợp đồng tín dụng nói trên, tổng cộng là 51.508.239 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 29/9/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời khai và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (22/4/2019), bị đơn còn nợ của nguyên đơn số tiền 57.656.927 đồng; trong đó nợ thẻ Visa là 17.020.228 đồng (gốc 7.817.848 đồng, lãi 9.202.380 đồng), nợ thẻ Family 40.636.699 đồng (gốc 17.155.519 đồng, lãi 23.481.180 đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Ngày 22/4/2011, bị đơn Hàng Thị Bảo N có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và được nguyên đơn đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa Ladies First 486265 - 9824, hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, lãi suất 2,15%/tháng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Ngày 07/7/2012, bị đơn tiếp tục đăng ký mở thẻ và được Ngân hàng chấp nhận cấp thẻ tín dụng Family với hạn mức sử dụng 30.000.000 đồng, lãi suất 2,5%/tháng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Do đó, xác định hợp đồng ký kết giữa các đương sự là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

Sau khi cấp thẻ tín dụng Visa, bị đơn đã giao dịch rút số tiền 23.095.600 đồng và đã thanh toán được 34.210.000 đồng. Đối với thẻ tín dụng Family, bị đơn rút 18.540.000 đồng, thanh toán được 23.150.266 đồng. Từ ngày 22/02/2016 đến ngày 22/3/2016, bị đơn không tiếp tục trả nợ cả hai loại thẻ là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 2 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Do đó, ngày 22/4/2016, nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bị đơn và chuyển toàn bộ số nợ còn lại sang nợ quá hạn với lãi suất bằng 150% là đúng quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Đến nay, bị đơn còn nợ thẻ tín dụng Visa số tiền **17.020.228** đồng (trong đó, tiền gốc 7.817.848

đồng, tiền lãi 9.202.380 đồng) và nợ thẻ Family số tiền **40.636.699** đồng (trong đó, tiền gốc 17.155.519 đồng, tiền lãi 23.481.180 đồng).

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả hai khoản tiền nợ nói trên là có căn cứ và đúng quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Buộc bị đơn Hàng Thị Bảo N phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền **57.656.927** (Năm mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm hai mươi bảy) đồng; (trong đó, nợ thẻ Visa là 17.020.228 đồng (gốc 7.817.848 đồng, lãi 9.202.380 đồng), nợ thẻ Family 40.636.699 đồng (gốc 17.155.519 đồng, lãi 23.481.180 đồng)).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Bị đơn Hàng Thị Bảo N phải chịu 2.883.000 (Hai triệu tám trăm tám mươi ba nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.172.000 đồng tại Biên lai số 0010551 ngày 21/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tây Hòa;
- Chi cục THADS huyện Tây Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Khánh Thoa